

Bản án số: 03/2017/KDTM-ST
Ngày: 29-9-2017
V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thành Công;

Bà Nguyễn Thị Ái Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Dũng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Duy Tôn – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2016/TLST-DS, ngày 19 tháng 10 năm 2016 về tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2017/QĐXXST-KDTM ngày 25 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2017/QĐST-KDTM ngày 13 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N; địa chỉ: số 2, L, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu T, chức vụ: Trưởng Phòng kinh doanh Ngân hàng N – Chi nhánh B; địa chỉ: khu phố 2, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 20-8-2016), có mặt.

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T; địa chỉ: số 247, ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Cao Tấn H, sinh năm 1966; chức vụ: Chủ tịch Công ty kiêm giám đốc; địa chỉ: ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương (ông Hùng chết ngày 11-01-2016).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người đại diện hợp pháp của bị đơn:

+ Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1935; địa chỉ: ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

+ Chị Phan Thị H, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp Đ, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

+ Anh Cao Gia B, sinh năm 1999; địa chỉ: ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

+ Cháu Cao Tấn H, sinh ngày 24-11-2004; địa chỉ: ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người đại diện hợp pháp của bị đơn: Chị Ngô Linh Diễm T, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; tạm trú: K, tổ 55, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo pháp luật của cháu C, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 8 năm 2016 của Ngân hàng N, tại lời khai và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T trình bày:

Ngày 23 tháng 5 năm 2015, Ngân hàng N - Chi nhánh thị xã B, tỉnh Bình Dương và Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T (sau đây gọi tắt là Công ty T) ký hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 08/15/DN với những nội dung cụ thể như sau: hạn mức được cấp 1.500.000.000 đồng; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động kinh doanh thu mua và chế biến mủ cao su; lãi suất cho vay: 7%/năm; thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng; thời hạn cho vay: 6 tháng; ngày đến hạn hạn mức được cấp: 23-05-2016; hình thức cho vay: cho vay có bảo đảm bằng tài sản; tài sản thế chấp gồm: quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BN619398 do Ủy ban nhân dân huyện B1, tỉnh Bình Dương cấp ngày 08-07-2013, số vào sổ CH02857 do ông Cao Tấn H đứng tên, diện tích 1.761 m² tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương và quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BN619399 do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương cấp ngày 08-07-2013, số vào sổ CH02858 do ông Cao Tấn H đứng tên, diện tích 9.222 m² tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện B, Bình Dương. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 10/13/DN, ngày 23-04-2013 giữa Ngân hàng N - Chi nhánh thị xã B, tỉnh Bình Dương với ông Cao Tấn H đã được Văn phòng Công chứng M công chứng ngày 24-04-2013, số công chứng: 002383, quyền số 03 TP/CC-SCC/HĐGD.

Đến ngày 03 tháng 12 năm 2015, Công ty T còn nợ Ngân hàng N 800.000.000 đồng nợ gốc.

Ngày 11 tháng 01 năm 2016, ông Cao Tấn H là Chủ tịch Công ty kiêm giám đốc Công ty T chết.

Đến thời hạn trả nợ gốc cho Ngân hàng N nhưng Công ty T không trả nợ gốc và lãi. Nay, Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu Công ty T trả các khoản tiền sau:

- Nợ gốc 800.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 29-9-2017 bao gồm: lãi trong hạn là 90.377.778 đồng và lãi quá hạn là 37.566.668 đồng. Tổng cộng là 927.944.444 đồng.

- Yêu cầu Công ty T tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho đến thời điểm Công ty T hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

- Trường hợp, Công ty T không trả được nợ, yêu cầu phát mại tài sản để thu hồi nợ gồm:

- + Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được Ủy ban nhân dân huyện B1 (nay là huyện B) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 619398, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH02857 ngày 08-7-2013 cho ông Cao Tấn H, diện tích 1.761m².

- + Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được Ủy ban nhân dân huyện B1 (nay là huyện B) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 619399, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH02858 ngày 08-7-2013 cho ông Cao Tấn H, diện tích 9.222m².

Tại bản tự khai, trong quá trình tố tụng người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Bà Đ là mẹ ruột ông Cao Tấn H. Chồng bà Đ là ông Cao Văn D chết năm 2014. Ông H chết năm 2015. Bà Đ không có yêu cầu gì trong vụ án này. Bà Đ không có ý kiến gì đối với phần đất ông H thế chấp cho Ngân hàng. Trường hợp Tòa án tuyên phát mại tài sản này bà Đ cũng không có ý kiến gì.

Quá trình tố tụng, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn là chị Phan Thị H, anh Cao Gia B, cháu Cao Tấn H và người đại diện hợp pháp của cháu H là Chị Ngô Linh Diễm T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đều vắng mặt không lý do. Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị H, anh B, cháu H và chị T.

Tại biên bản xác minh đề ngày 17 tháng 3 năm 2017, Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương xác định: Công ty T có trụ sở chính tại 247, ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật của Công ty T là ông Cao Tấn H, sinh ngày 01-01-1966, hộ khẩu thường trú 247, ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Hiện Công ty T không có đăng ký thay đổi về chia tách, sát nhập hoặc giải thể và theo hệ thống đăng ký doanh nghiệp quốc gia thì Công ty T vẫn hoạt động bình thường.

Tại biên bản xác minh đề ngày 06 tháng 7 năm 2017, Công an xã L xác định: Bà Phan Thị H có đăng kí hộ khẩu thường trú tại tổ 14, ấp Đ, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17 tháng 8 năm 2017, xác định:

- Phần đất có diện tích 1.761m² thuộc thửa 421, tờ bản đồ 15, tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình được Ủy ban nhân dân huyện B1 (nay là huyện B) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 619398, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH02857 ngày 08-7-2013 cho ông Cao Tấn H, trên đất có một căn nhà cấp 4, hai dãy nhà tạm (xưởng mũ) hiện đã xuống cấp, hư hỏng.

- Phần đất có diện tích 9.222m² thuộc các thửa 410, 411, 412, 413, 414, 415, 416, 417, 418, 419, 429, 432, 433, 434, 435, 436, 441, 442, 443 tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình được Ủy ban nhân dân huyện B1 (nay là huyện B) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 619399, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH02858 ngày 08-7-2013 cho ông Cao Tấn H, đất trống, trên đất không có bất kỳ tài sản gì.

Toàn bộ 02 phần đất trên không thay đổi so với hiện trạng khi thể chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 10/13/DN ngày 23-4-2013.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm b khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người đại diện hợp pháp của bị đơn là bà Nguyễn Thị Đ, anh Cao Gia B vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người đại diện hợp pháp của bị đơn là chị Phan Thị H, cháu Cao Tấn H và người đại diện hợp pháp của cháu H là Chị Ngô Linh Diễm T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt

không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng N khởi kiện Công ty T có địa chỉ tại 247, ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Quan hệ tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng tín dụng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hợp đồng tín dụng: việc cho vay tiền giữa Ngân hàng N với Công ty T theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 08/15/DN ngày 23-5-2015 do Ngân hàng N cung cấp cho Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Cao Tấn H là bà Nguyễn Thị Đ không có ý kiến gì phản đối, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Cao Tấn H là chị Phan Thị H, anh Cao Gia B, cháu Cao Tấn H và người đại diện hợp pháp của cháu H – chị Ngô Linh Diễm T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, được xem đã từ bỏ quyền cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh và trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng như không phản đối những tình tiết, sự kiện mà Ngân hàng N đưa ra. Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 08/15/DN ngày 23-5-2015 được ký kết có nội dung thỏa thuận phù hợp với các Điều 401 và 471 của Bộ luật Dân sự, các Điều 90, 91 và Điểm a Khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng, phù hợp với Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T đã trả cho Ngân hàng N số tiền 700.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh. Đến 03 tháng 12 năm 2015, Công ty T còn nợ Ngân hàng N số tiền 800.000.000 đồng nợ gốc. Sau đó, Công ty T đã không trả nợ đúng hạn là vi phạm thỏa thuận theo hợp đồng cấp tín dụng, vi phạm Điều 474 của Bộ luật Dân sự.

[5] Ngân hàng N khởi kiện buộc Công ty T phải trả cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 29-9-2017 là 927.944.444 đồng, trong đó bao gồm 800.000.000 đồng nợ gốc, nợ lãi trong hạn là 90.377.778 đồng và nợ lãi quá hạn là 37.566.668 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Ngân hàng N yêu cầu Công ty T trả tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 08/15/DN ngày 23-5-2015 tính từ ngày 30-9-2017 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Xét, yêu cầu của Ngân hàng N là phù hợp nội dung “...*kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho*

vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay” quy định tại Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17-10-2016 và được công bố theo quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 10/13/DN, được công chứng tại Văn phòng Công chứng M ngày 23-4-2013 và xử lý tài sản thế chấp: tại Điều 2 của Hợp đồng quy định rõ: “*Bên B (ông Cao Tấn H) tự nguyện đem tài sản nói trên (kể cả khoản tiền bảo hiểm cho tài sản đó) thế chấp cho bên A (Ngân hàng N – chi nhánh huyện B) để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của bên C (Công ty T) đối với bên A (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan) theo các hợp đồng tín dụng ký kết giữa bên A và bên C*”. Theo đó, ông Cao Tấn H đã thế chấp cho Ngân hàng N – Chi nhánh huyện B các quyền sử dụng đất sau: phần đất có diện tích 1.761m² thuộc thửa 421, tờ bản đồ 15, tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình được Ủy ban nhân dân huyện B1 (nay là huyện B) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 619398, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH02857 ngày 08-7-2013 cho ông Cao Tấn H và phần đất có diện tích 9.222m² thuộc các thửa 410, 411, 412, 413, 414, 415, 416, 417, 418, 419, 429, 432, 433, 434, 435, 436, 441, 442, 443, tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương được Ủy ban nhân dân huyện B (nay là huyện B) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 619399, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH02858 ngày 08-7-2013 cho ông Cao Tấn H; tại Điều 6 của hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quy định: “*việc tiếp tục dùng tài sản thế chấp theo hợp đồng này làm đảm bảo cho các khoản vay tiếp theo của bên C sẽ được ghi nhận cụ thể trong hợp đồng tín dụng mà không phải ký phụ lục hợp đồng thế chấp*”; tại Điều 9 của hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 08/15/DN ngày 23 tháng 5 năm 2015 quy định: “*nghĩa vụ trả nợ của bên B tại hợp đồng HMTD này được bảo đảm bằng Hợp đồng bảo đảm số 10/13/DN ngày 23 tháng 4 năm 2013 và 05/11/DN ngày 27 tháng 12 năm 2011*”. Như vậy, ông Cao Tấn H đã thế chấp 02 quyền sử dụng đất nêu trên để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty T là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 318 và Điều 342 của Bộ luật Dân sự.

[8] Việc thế chấp quyền sử dụng đất được công chứng, được đăng ký thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định tại các Điều 401, 715 và 716 của Bộ luật Dân sự; các Điều 9, 10 và 12 của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về Giao dịch bảo đảm; các Điều 3, 28 và 47 của Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23-7-2010 của Chính phủ về Đăng ký giao dịch bảo đảm.

[9] Căn cứ khoản 4.3 Điều 4 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã ký kết giữa các bên, Điều 721 của Bộ luật Dân sự, Điều 56 của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về Giao dịch bảo đảm, nếu Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì

Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với phần đất có diện tích 1.761m² thuộc thửa 421, tờ bản đồ 15 và phần đất có diện tích 9.222m² thuộc các thửa 410, 411, 412, 413, 414, 415, 416, 417, 418, 419, 429, 432, 433, 434, 435, 436, 441, 442, 443, tờ bản đồ số 19, các phần đất đều tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương để thanh toán dứt nợ.

[10] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

[11] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về án phí, chi phí tố tụng:

- Về án phí: bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về chi phí tố tụng: chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng. Nguyên đơn đã nộp tại Tòa án 1.000.000 đồng chi phí tố tụng. Do đó, buộc bị đơn nộp 1.000.000 đồng để thanh toán lại cho nguyên đơn theo quy định tại các Điều 157, 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, các Điều 157, 158, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, các Điều 232, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 318, các Điều 342, 401, 471, 474, 715, 716 và 721 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 90, 91, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17-10-2016 và được công bố theo quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 27 của Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 9, 10, 12 và 56 của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về Giao dịch bảo đảm; các Điều 3, 28 và 47 của Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23-7-2010 của Chính phủ về Đăng ký giao dịch bảo đảm;

Căn cứ vào Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, được ban hành kèm theo Quyết định 1627/2001/QĐ – NHNN ngày 31-12-2001

của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; Quyết định 127/2005/QĐ – NHNN ngày 03-02-2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ – NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; Quyết định 783/2005/QĐ – NHNN ngày 31-5-2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung Khoản 6 Điều 1 của Quyết định số 127/2005/QĐ – NHNN ngày 03-02-2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ – NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T về tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

- Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T phải trả cho Ngân hàng N số tiền nợ tính đến ngày 29-9-2017 là 927.944.444 đồng (chín trăm hai mươi bảy triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng), trong đó bao gồm 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng) nợ gốc, lãi trong hạn là 90.377.778 (chín mươi triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi tám đồng), và lãi quá hạn là 37.566.668 đồng (ba mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi tám đồng).

- Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T phải trả cho Ngân hàng N tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 08/15/DN ngày 23 tháng 5 năm 2015 tính từ ngày 29-9-2017 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

- Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 10/13/DN, được công chứng tại Văn phòng Công chứng M ngày 23-4-2013 – số công chứng 002383 – Quyền số 03TP/CC-SCC/HĐGD đối với phần đất có diện tích 1.761m² thuộc thửa 421, tờ bản đồ 15, tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình được Ủy ban nhân dân huyện B1 (nay là huyện B) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 619398, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH02857 ngày 08-7-2013 cho ông Cao Tấn Hùng và phần đất có diện tích 9.222m² thuộc các thửa 410, 411, 412, 413, 414, 415, 416, 417, 418, 419, 429, 432, 433, 434, 435, 436, 441, 442, 443, tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương được Ủy ban nhân dân huyện B1 (nay là huyện B) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 619399, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH02858 ngày 08-7-2013 cho ông Cao Tấn H để thanh toán dứt nợ.

2. Về án phí, chi phí tố tụng:

- Về án phí:

Ngân hàng N không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng N 18.502.000 đồng (mười tám triệu năm trăm lẻ hai nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0002097 ngày 14 tháng 10 năm 2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T phải nộp 39.838.333 đồng (ba mươi chín triệu tám trăm ba mươi tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng) án phí sơ thẩm.

- Về chi phí tố tụng: Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T phải nộp 1.000.000 đồng (một triệu đồng) để trả lại cho Ngân hàng N.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ánh Tuyết